TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh ngày 01/01/1980. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/5/2024 và trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Đ cưới nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước. Sau khi cưới thì sống hai nơi là nhà anh Đ và nhà chị, sau này vợ chồng cất nhà riêng sinh sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn không còn

hạnh phúc nữa, nguyên nhân mâu thuẫn về tình cảm, tiền bạc, anh Đ còn đánh chị nhiều lần. Hiện nay chị và anh Đ vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Tối khoảng 21 giờ ngày 24/5/2024, anh Đ kiếm chuyện gây sự đánh chị sưng mặt và đốt quần áo của chị. Sáng ngày 25/5/2024 chị có đi Trung tâm y tế huyện H điều trị tại Khoa cấp cứu và được chuẩn đoán: Phù nề mô mềm má (T)/khai bị đánh do bác sĩ Trần Thị G tiếp nhận và ra viện trong ngày (có kèm theo giấy xác nhận của Giám đốc Trung tâm y tế huyện H ngày 28/5/2024). Từ khi vợ chồng sống chung thì anh Đ đánh chị rất nhiều lần gây thương tích và tổn hại đến sức khỏe của chị, anh Đ thường xúc phạm, tổn hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của chị, nhận thấy hôn nhân đến mức trầm trọng, không thể kéo dài nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Hai con chung Lê Văn N, sinh ngày 07/6/1998, Lê Văn T1, sinh ngày 08/10/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Lê Thiện P, sinh ngày 17/9/2009, hiện đang sống với vợ chồng, chị tự nguyện giao cháu P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/5/2024 và trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh và chị T cưới nhau không nhớ năm, chỉ nhớ gần 30 năm trước. Có đăng ký kết hôn tại thị trấn T. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống hai nơi nhà cha mẹ anh và cha mẹ chị T. Sau đó, vào năm 2000 vợ chồng cất nhà riêng ở khóm T, thị trấn T sinh sống. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ Tết năm 2024 đến nay, chị T đòi ly hôn với anh nhưng anh không biết lý do, sau này anh mới biết chị T có tình cảm với người khác nên đòi ly hôn với anh. Vợ chồng cự cãi qua lại và không sống chung từ đầu năm 2024. Từ khi vợ chồng không sống chung thì vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Anh và chị T mới sống chung lại từ một tháng nay, nhưng không quan tâm, lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Cách đây một tuần khi anh phát hiện chị T nói chuyện điện thoại với người khác thì anh và chị xảy ra mâu thuẫn do quá nóng giận không kiềm chế được bản thân nên anh có đánh chị T sưng mặt. Qua yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T.

Về nuôi con chung: Hai con chung Lê Văn N, sinh ngày 07/6/1998, Lê Văn T1, sinh ngày 08/10/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Lê Thiện P, sinh ngày 17/9/2009, hiện đang sống với vợ chồng, tại phiên tòa anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung: Anh Đ và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ và chị T chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Hai con chung Lê Văn N, sinh ngày 07/6/1998, Lê Văn T1, sinh ngày 08/10/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Lê Thiện P, sinh ngày 17/9/2009, chị T đồng ý theo nguyện vọng của cháu P là muốn sống với anh Đ và anh Đ cũng yêu cầu nuôi dưỡng cháu P, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Chưa có yêu cầu nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết, nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, yêu cầu của chị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ có phát sinh nhiều mâu thuẫn gia đình. Tại phiên tòa chị T và anh Đ khai hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, chị T trình bày anh Đ thường đánh chị nhiều lần, đỉnh điểm là tối khoảng 21 giờ ngày 24/5/2024, anh Đ kiếm chuyện gây sự đánh chị sưng mặt và đốt quần áo của chị. Sáng ngày 25/5/2024 chị có đi Trung tâm y tế huyện H điều trị tại Khoa cấp cứu và được chuẩn đoán: Phù nề mô mềm má (T)/khai bị đánh (có kèm theo giấy xác nhận của Giám đốc Trung tâm y tế huyện H ngày 28/5/2024) và anh Đ cũng thừa nhận ngày 24/5/2024 có đánh chị sưng mặt do nóng giận chuyện chị T nói chuyện điện thoại với người khác. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có hòa giải đoàn tụ và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên cũng nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Đ không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 người con chung. Trong đó 02 (hai) con chung Lê Văn N, sinh ngày 07/6/1998, Lê Văn T1, sinh ngày 08/10/2002, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng

xét xử không xem xét. Còn con chung Lê Thiện P, sinh ngày 17/9/2009, chị T đồng ý theo nguyện vọng của cháu P là muốn sống với anh Đ và anh Đ cũng yêu cầu nuôi dưỡng cháu P, chị T không tự nguyện cấp dưỡng cho con và anh Đ cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con của anh chị phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T. Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về việc nuôi con chung: Anh Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thiện P, sinh ngày 17/9/2009.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004745 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (19/6/2024).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Bình